| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **296**/2022/DSPT
Ngày: 30/11/2022

*V/v tranh chấp:"*Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

*Các Thẩm phán*:

1. Bà **Lâm Ngọc Tuyền.**

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhàn.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Đạt**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**, Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **11** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung và chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 257/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trình Thị Ngọc L**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông **Nguyễn Hoàng A**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện CT1, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020), (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Trình Văn H**, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Bà **Trình Thị H1**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: số X, khu 3, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: số X, khu 3, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020), (có mặt)

2. Bà **Trình Thị V**, sinh năm 1951;

*Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp L, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020), (có mặt).

3. Ông **Trình Văn T**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo uỷ quyền*: Bà **Trình Thị Ngọc C**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020), (có mặt).

4. Bà **Trình Thị H2**, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

5. Ông **Trình Văn T2**, sinh năm 1965;

*Người đại diện theo uỷ quyền*: Bà **Đỗ Thị Thu V**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020), (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền*: Bà **Trình Thị Ngọc C**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/6/2020), (có mặt).

2. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

3. Anh **Trình Quốc C**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông **Trình Văn H**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020), (có mặt).

* *Người kháng cáo:* Bị đơn Trình Văn H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm,

* *Nguyên đơn bà Trình Thị Ngọc L trình bày:*

Cha bà ông Trình Văn N (1921-2005) và mẹ bà Nguyễn Thị Ngộ (1922-2019), có tất cả 08 người con gồm: Trình Thị H1, Trình Thị V, Trình Văn T, Trình Thị H2, Trình Văn D (chết năm 2015 không có vợ, con), Trình Văn H, Trình Văn T2, Trình Thị Ngọc L. Cha mẹ bà qua đời để lại tài sản là: Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.110m², thửa đất này đã tặng cho ông Trình Văn T2 2.000m² vào năm 2001 hiện còn lại 1.110m², thửa 86, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.250m² và thửa 117, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.540m²; tổng cộng diện tích 3 thửa là 4.900m², đất tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do ông Trình Văn N đại diện hộ đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16080.QSDĐ ngày 02/4/1998. Đất hiện do ông Trình Văn H quản lý, trên đất có căn nhà của ông N, bà N1 và căn nhà của ông Trình Văn T cất

năm 2002. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ, trong hộ gia đình bà có 05 thành viên là Trình Văn N, Nguyễn Thị Ngộ, Trình Thị Ngọc L, Trình Văn D và Nguyễn Thị Ngọc Y (là con dâu của ông N, bà N1). Ông N, bà N1 chết không để lại di chúc, bà Y không có công sức và tài sản đóng góp vào khối tài sản chung nên theo quy định của pháp luật 03 thửa đất cấp cho hộ được chia cho 04 thành viên sau: Trình Văn N, Nguyễn Thị N1, Trình Thị Ngọc L và Trình Văn D, như vậy mỗi thành viên được nhận là 1.225m². Phần diện tích đất còn lại của những người trong hộ là ông N, bà N1 và ông D là 3.675m², yêu cầu chia làm 7 kỷ phần, mỗi người được nhận là 525m². Như vậy, bà yêu cầu được nhận tổng cộng 1.725m², yêu cầu được nhận thửa đất có căn nhà của cha mẹ, đồng ý hoàn lại giá trị căn nhà cho các đồng thừa kế khác, đối với cây trồng trên đất bà không yêu cầu chia.

Tại đơn trình bày ngày 14/02/2022, bà L yêu cầu nhận 1.200m² là một phần thửa đất số 117, phần đất còn lại bà nhường lại cho ông Trình Văn T, bà yêu cầu được nhận căn nhà của cha mẹ và đồng ý hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

** Bị đơn ông Trình Văn H trình bày:*

Cha ông tên Trình Văn N (chết năm 2005) và mẹ ông tên Nguyễn Thị N1 (chết năm 2019), cha mẹ ông có tất cả 08 người con như nguyên đơn trình bày. Cha mẹ ông có để lại tài sản gồm:

Thửa đất số 85 tờ bản đồ số 3, diện tích 3.110m², năm 2001 đã tách cho ông Trình Văn T2 2.000m², còn lại 1.110m²

Thửa đất số 86 tờ bản đồ số 3, diện tích 1.250m²

Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.540m²

Tổng cộng 4.900m². Trên phần đất tranh chấp có 02 căn nhà là căn nhà của cha mẹ và nhà của anh Trình Văn T. Trên đất còn có 04 ngôi mộ gồm mộ ông N, bà N1, ông D và 01 ngôi mộ của hàng xóm.

Nay ông đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ theo biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang ngày 12/5/2016. Cụ thể diện tích 4.900m² chia cho chị Trình Thị Ngọc L là 1.225m², phần của ông Trình Văn N là 1.225m² chia cho 08 người con, mỗi người là 153,12m², còn lại phần của bà N1 và ông D ông yêu cầu được nhận để thờ cúng ông bà. Trường hợp chia thừa kế theo pháp luật ông yêu cầu được nhận đất.

Tại đơn trình bày ngày 14/3/2022, ông Trình Văn H trình bày: yêu cầu các đồng thừa kế bồi hoàn công sức chăm sóc nuôi dưỡng, trị bệnh cho mẹ trong suốt 05 năm của vợ chồng và con ông (03 người), cúng giỗ ông bà cộng chung các khoản là 400.000.000 đồng, tu bổ sửa chữa nhà thờ 20.000.000 đồng, chi phí hậu sự, mai táng mồ mã cho mẹ là 115.000.000 đồng, trừ tiền phúng điếu 82.000.000 đồng, vợ chồng ông phải bỏ ra 33.000.000 đồng, tổng cộng là 453.000.000 đồng theo phương thức bằng tiền hoặc hiện vật là quyền sở hữu sử dụng một phần nhà đất của cha mẹ và anh Danh để lại. Yêu cầu được sở hữu sử dụng đất nhà thờ và đất khuôn viên khoảng 1.300m² thổ quả, ông sẽ hoàn lại cho các thừa kế giá trị bằng tiền theo biên bản đo đạc định giá của Tòa án, ông xin được trực tiếp sở hữu sử dụng để làm nhà thờ gia tộc, thờ cúng ông bà cha mẹ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Trình Thị H1, Trình Thị V, Trình Văn T, Trình Thị H1, Trình Văn T2 trình bày:* thống nhất trình bày của bà L về hàng thừa kế và di sản thừa kế, thống nhất chia thừa kế theo trình bày của bà L,

yêu cầu được nhận đất. Đối với căn nhà của cha mẹ đồng ý giao phần thừa kế được chia cho bà L, yêu cầu bà L hoàn lại giá trị căn nhà cho các đồng thừa kế.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc Yến trình bày:* bà là vợ của ông Trình Văn T, bà khẳng định bà chỉ có tên trong sổ hộ khẩu do cha chồng là ông Trình Văn N đại diện đứng tên, bà không có công sức và tài sản đóng góp vào khối tài sản chung của hộ là các thửa đất số 117, 86, 85 theo giấy chứng nhận 16080 QSDĐ được Uỷ ban nhân dân huyện CT cấp ngày 02/4/1998 cho hộ ông Trình Văn N nên bà không yêu cầu chia tài sản với tư cách thành viên hộ gia đình.

Bản án dân sự sơ thẩm số 257/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 212, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 179 Luật đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trình Thị Ngọc L.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trình Thị H1, Trình Thị V, Trình Văn T, Trình Thị H1ảo, Trình Văn T2.

- Xác định diện tích đất 4.900m², đo đạc thực tế là 4.812,6m² thuộc thửa số 85, 86 và 117, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Trình Văn N, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 16080 QSDĐ ngày 02/4/1998 là tài sản chung của cụ Trình Văn N, cụ Nguyễn Thị N1, ông Trình Văn D và bà Trình Thị Ngọc L.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Trình Văn N, cụ Nguyễn Thị Ngộ và ông Trình Văn D là diện tích 3.609,45m² thuộc một phần thửa 85, 86 và 117, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Trình Văn N, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 16080.QSDĐ ngày 02/4/1998.

- Chia cho ông Trình Văn H diện tích 515,6m² (S1) thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 3, loại đất Q+T toạ lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

Bắc giáp đất Cao Văn T;

Nam giáp đường bê tông;

Đông giáp phần đất còn lại của thửa 117;

Tây giáp đất Trình Văn H;

- Chia cho bà Trình Thị Ngọc L diện tích đất 1.200m² (S2) thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 03, loại đất T +Q toạ lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

Bắc giáp đất Cao Văn T, Trình Văn T

Nam giáp đường Bê tông

Đông giáp phần đất còn lại của thửa 117

Tây giáp phần đất còn lại của thửa 117

- Bà L được quyền sở hữu căn nhà trên đất diện tích 199,6m², nhà chính có kết cấu cột cây, 03 vách tường tô 02 mặt, một vách cây, nền gạch men, mái ngói; nhà phụ có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường 03 mặt, một vách nhờ, nền gạch men, mái tôn xi măng.

- Bà L có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế căn nhà cho ông Trình Văn H, bà Trình Thị H1, bà Trình Thị V, ông Trình Văn T, bà Trình Thị H2, ông Trình Văn T2 mỗi người 27.804.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà L trả cho 2ng H chi phí sửa nhà và làm hàng rào số tiền 24.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chia cho ông Trình Văn T diện tích đất 1.034,5m² (S3), thuộc một phần thửa 117 và một phần thửa 86, trong đó thửa 117, diện tích 553,7m² và thửa 86, diện tích 480,8m² tọa lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

Bắc giáp đất Trình Văn T, Trình Thị Ngọc L

Nam giáp đường Bê tông

Đông giáp phần đất còn lại của thửa 86

Tây giáp phần đất còn lại của thửa 117

Ông T2 được quyền sở hữu căn nhà do ông xây cất trên diện tích đất được chia.

- Chia cho ông Trình Văn T2 diện tích đất 2.062,5m² (S4), thuộc một phần thửa 86 và thửa 85, trong đó thửa 86, diện tích 740,4m² và thửa 85, diện tích 1.322,1m² tọa lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

Bắc giáp đất Trình Thị Ngọc L, Trình Văn H

Nam giáp đường Bê tông

Đông giáp đất Trình Văn T2

Tây giáp phần đất còn lại của thửa 86

(Có sơ đồ kèm theo)

- Ông T1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế đất cho bà Trình Thị H1, bà Trình Thị V, bà Trình Thị H2 mỗi người 309.378.000 đồng.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Thu V là đại diện uỷ quyền của ông Trình Văn T2 đồng ý giữ nguyên hiện trạng các ngôi mộ trên diện tích đất được chia.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 19 tháng 7 năm 2022, bị đơn ông Trình Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét cho ông H được hưởng hoa màu và thừa kế chia quyền sử dụng đất 03 thửa đất 117, thửa 85 và thửa 86 phải bồi hoàn cho ông tiền công sức chăm sóc tưới tiêu và chi phí phân thuốc trong 07 năm là 70.000.000 đồng (7 năm x 10.000.000 đồng/năm) theo biên bản định giá của Tòa án.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trình Văn H, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Trình Văn H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trình Văn H xác định ông kháng cáo yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả cho ông tiền công sức chăm sóc tưới tiêu và chi phí mua phân thuốc cho cây trồng của 03 thửa đất trong thời gian 07 năm là 70.000.000 đồng (7 năm x 10.000.000 đồng/năm). Ngoài ra, ông không yêu cầu kháng cáo gì khác.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo phần chia tài sản chung của hộ gia đình và chia thừa kế, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng A, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trình Thị Ngọc L; bà Trình Thị H2; anh Nguyễn Tấn T, đại diện theo ủy quyền của bà Trình Thị H1; chị Trình Thị Ngọc Chi, đại diện theo ủy quyền của ông Trình Văn T; anh Nguyễn Tấn L, đại diện theo ủy quyền của bà Trình Thị V và bà Đỗ Thị Thu V, đại diện theo ủy quyền của ông Trình Văn T2 cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm, ông H đã tiến hành đốn bỏ một số cây trên phần đất chia thừa kế, nên không đồng ý hoàn lại cho ông Trình Văn H số tiền 70.000.000 đồng.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm đã hòa giải, động viên các đương sự thỏa thuận thống nhất về số tiền 70.000.000 đồng, nhưng các đương sự không đồng ý.

[6] Xét, yêu cầu kháng cáo của ông Trình Văn H, Hội đồng xét xử, xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trình Văn H trình bày sau khi ông Trình Văn D mất, ông đã chăm sóc, tưới tiêu và chi phí phân thuốc cho cây trồng trên 03 thửa đất, ông cũng thừa nhận sau khi trừ các khoản chi phí, thì lợi nhuận mỗi năm khoảng 20.000.000 đồng, ông dùng số tiền này cho việc giao tế, trong khi đó tại phiên tòa sơ thẩm, ông xác định lợi nhuận hàng năm là 50.000.000 đồng. Như vậy, các chi phí mà ông Trình Văn H bỏ ra để chăm sóc cây trồng và thu hoạch hàng năm, ông là người hưởng lợi từ việc thu hoạch này, đồng thời, ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh các chi phí này, nên việc ông yêu cầu các đồng thừa kế hoàn trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng, là không có căn cứ.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ

[5] Về án phí: Ông Trình Văn H được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm, do ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 212, 357, 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự 2015; Điều 179 Luật đất đai 2013; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trình Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 257/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trình Thị Ngọc L.

**2**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trình Thị H1, bà Trình Thị V, ông Trình Văn T, bà Trình Thị H2 và ông Trình Văn T2.

- Xác định diện tích đất 4.900m$^2$, đo đạc thực tế là 4.812,6m$^2$ thuộc thửa số 85, 86 và 117, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16080.QSDĐ ngày 02/4/1998 cho hộ Trình Văn N, là tài sản chung của cụ Trình Văn N, cụ Nguyễn Thị N1, ông Trình Văn D và bà Trình Thị Ngọc L.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Trình Văn N, cụ Nguyễn Thị N1 và ông Trình Văn D là diện tích 3.609,45m$^2$ thuộc một phần thửa 85, 86 và 117, tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 16080.QSDĐ ngày 02/4/198 cho hộ Trình Văn N.

- Chia cho ông Trình Văn H diện tích 515,6m$^2$ (S1) thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 3, loại đất Q+T tọa lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

+ Bắc giáp đất Cao Văn T;

+ Nam giáp đường bê tông;

+ Đông giáp phần đất còn lại của thửa 117 (phần đất chia bà L);

+ Tây giáp đất Trình Văn H;

- Chia cho bà Trình Thị Ngọc L diện tích đất 1.200m$^2$ (S2) thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 03, loại đất T+Q tọa lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

+ Bắc giáp đất Cao Văn T, Trình Văn T;

+ Nam giáp đường bê tông;

+ Đông giáp phần đất còn lại của thửa 117 (phần đất chia cho ông T2);

+ Tây giáp phần đất còn lại của thửa 117 (phần đất chia cho ông Trình Văn H);

- Bà Trình Thị Ngọc L được quyền sở hữu căn nhà trên đất diện tích 199,6m$^2$, nhà chính có kết cấu cột cây, 03 vách tường tô 02 mặt, một vách cây, nền gạch men, mái ngói; nhà phụ có kết cấu cột bê tông đúc sẵn, vách tường 03 mặt, một vách nhờ, nền gạch men, mái tôn xi măng.

- Bà Trình Thị Ngọc L có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế căn nhà cho ông Trình Văn H, bà Trình Thị H1, bà Trình Thị V, ông Trình Văn T, bà Trình Thị H2, ông Trình Văn T2 mỗi người 27.804.000 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm lẻ bốn ngàn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trình Thị Ngọc L trả cho ông Trình Văn H chi phí sửa nhà và làm hàng rào số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

- Chia cho ông Trình Văn T diện tích đất 1.034,5m$^2$ (S3), thuộc một phần thửa 117 và một phần thửa 86 (trong đó thửa 117, diện tích 553,7m$^2$ và thửa 86, diện tích 480,8m$^2$) tọa lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

+ Bắc giáp đất Trình Văn T, Trình Thị Ngọc L;

+ Nam giáp đường bê tông;

+ Đông giáp phần đất còn lại của thửa 86 (phần chia ông T1);

+ Tây giáp phần đất còn lại của thửa 117 (phần đất chia cho bà L).

Ông Trình Văn T được quyền sở hữu căn nhà do ông xây cất trên diện tích đất được chia.

- Chia cho ông Trình Văn T2 diện tích đất 2.062,5m$^2$ (S4), thuộc một phần thửa 86 và thửa 85 (trong đó thửa 86, diện tích 740,4m$^2$ và thửa 85, diện tích 1322,1m$^2$) tọa lạc tại ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, đất có tứ cận:

+ Bắc giáp đất Trình Thị Ngọc L, Trình Văn H;

+ Nam giáp đường bê tông;

+ Đông giáp đất Trình Văn T2;

+ Tây giáp phần đất còn lại của thửa 86 (phần đất chia cho ông T2);

(kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng ngày 07/7/2022 của Công ty TNHH đo đạc ĐH)

- Ông Trình Văn T2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Trình Thị H1, bà Trình Thị V và bà Trình Thị H2 mỗi người 309.378.000 đồng (Ba trăm lẻ chín triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

- Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Thu V là đại diện uỷ quyền của ông Trình Văn T2 đồng ý giữ nguyên hiện trạng các ngôi mộ trên diện tích đất được chia.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**3.** Về án phí:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trình Văn H.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trình Văn H, ông Trình Văn T, bà Trình Thị H2, bà Trình Thị V và bà Trình Thị H1.

- Bà Trình Thị Ngọc L phải nộp 35.912.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền là 13.000.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 01949 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, nên còn phải nộp tiếp 22.912.000 đồng.

- Ông Trình Văn T2 phải nộp 16.858.000 đồng, được khấu trừ số tiền 3.462.500 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003554 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, nên còn phải nộp tiếp 13.395.500 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2022-Tâm

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Lê Thị Hồng Tâm**